TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST
Ngày 07/02/2018
V/v " ly hôn,
tranh chấp nuôi dưỡng con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết
2. Bà Trần Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.
ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà.
2- Bị đơn: Anh Phạm Trọng D.
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2017 và các bản tự khai của chị Nguyễn Thị T cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trọng D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 19/11/2010. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do, tính tình không hợp, quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh Đông thường xuyên chơi bời cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống

chung không hạnh phúc, không quan tâm gì đến nhau. Thực tế vợ, chồng đã tự sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian này không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau nữa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn anh Phạm Trọng D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận chị và anh Phạm Trọng D chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung với nhau. Cháu Phạm Tuấn T; Sinh ngày 21/9/2011; Cháu Phạm Kim A; Sinh ngày 21/3/2014, hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với chị tại Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Phạm Tuấn T và cháu Phạm Kim A. Chị không yêu cầu anh Phạm Trọng D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận: Trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trọng D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 19/11/2010. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đã có 02 con chung với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị Nguyễn Thị T làm đơn xin ly hôn anh Phạm Trọng D là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh D thường xuyên chơi bời cờ bạc, thiếu trách nhiệm với vợ con, gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã được gia đình đôi bên, anh em bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian này anh chị không quan tâm thăm hỏi gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 25/10/2017 chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Phạm Trọng D.

Đối với anh Phạm Trọng D trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Trọng D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Phạm Trọng D không những không trả lời Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T mà thậm chí anh Phạm Trọng D không chấp hành theo giấy triệu tập của

Tòa án, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với anh Phạm Trọng D với lý do tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ và phù hợp với các qui định tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2].Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị T xác nhận: Chị và anh Phạm Trọng D chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung với nhau. Cháu Phạm Tuấn T; Sinh ngày 21/9/2011; Cháu Phạm Kim A; Sinh ngày 21/3/2014, hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T tại Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Phạm Tuấn T và cháu Phạm Kim A. Chị không yêu cầu anh Phạm Trọng D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Phạm Tuấn T và cháu Phạm Kim A là có căn cứ. Bởi lẽ kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn thì các cháu đều do chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Mặt khác trong thời gian anh chị xảy ra mâu thuẫn anh Phạm Trọng D thường xuyên bỏ đi không hề quan tâm gì đến vợ và con, để mặc chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con. Do vậy việc giao cháu Phạm Tuấn T và cháu Phạm Kim A cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các cháu.

[3]Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Phạm Trọng D chưa tạo dựng được tài sản gì chung, không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Phạm Trọng D.

2.Về con chung: Xử giao cháu Phạm Tuấn T - Sinh ngày 21/9/2011 và cháu Phạm Kim A - Sinh ngày 21/3/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Trọng D không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Trọng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007378 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Thắng. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện BT(2);*
- *Chi cục THA dân sự huyện BT;*
- *UBND xã T, huyện BT;*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS – TA - VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Như Long